**Tiết CT: 34 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết các loại từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ.

-Nhận biết cách sử dụng từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ trong câu.

**2. Phẩm chất:**

Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp và sự phong phú, linh hoạt, uyển chuyển trong cách đặt câu của Tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:**  Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

2. Học liệu: KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,3

- Tranh ảnh

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **KHỞI ĐỘNG** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Gv tổ chức trò chơi “Ăn khế trả vàng”. Nhiệm vụ của học sinh là điền từ còn thiếu vào 5 câu câu ca dao.Học sinh trả lời đúng sẽ được phần quà.  Câu 1: “An Giang cảnh trí…  Ta thương, ta nhớ, ta liều ta đi”  A. Hữu tình  **B. Mỹ miều**  C. Đẹp xinh  D. Xanh tươi  Câu 2: “Nhớ ai qua phố Hội chùa Cầu  Để thương để nhớ để… cho ai”  A. buồn  B. lời  C. tình  **D. sầu**  Câu 3: “Cổ tay em trắng như…  Con mắt em liếc như là dao cau”  A. Bông  B. Tuyết  **C. Ngà**  D. Băng  Câu 4: “Bạc Liêu nước chảy…  Dưới sông cá chốt trên bờ Triền Chiêu  **A. Lờ đờ**  B. Dềnh dàng  C. Chầm chậm  D. Lừ đừ  Câu 5: “Đường vô xứ Nghệ….  Non xanh nước biếc như tranh họa đồ”  A. Quanh co  B. Vòng vo  C. Quẩn quanh  **D. Loanh quanh**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trao đổi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới  Khi nói hoặc viết, ta thường phải lựa chọn từ ngữ phù hợp để thể hiện mục đích, ý đồ của mình. Làm thế nào để có thể lựa chọn từ ngữ một cách hiệu quả nhất? Chúng ta sẽ tìm hiểu tiết thực hành tiếng Việt hôm nay. | Câu 1: B  Câu 2: D  Câu 3: C  Câu 4: A  Câu 5: D |
| **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ?Các từ láy: đăm đăm, mếu máo, lêu xiêu có đặc điểm âm thanh gì giống và khác nhau?  ?Dựa vào phân tích trên, hãy phân loại từ láy và nêu đặc điểm của từng loại? Lấy VD về mỗi loại từ láy?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Đọc phần VD.  - HS quan sát ví dụ trên máy chiếu. Hòan thành các câu hỏi  **-**  hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  -Trình bày kết quả làm việc.  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang nội dung mớ | **I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**  **1. Từ láy**  Có 2 loại từ láy:  **-***Từ láy toàn bộ*:các tiếng lặp lại nhau hoàn toàn  **VD**: đăm đăm, quanh quanh,…  -*Từ láy bộ phận:*giữa các tiếng có sự giống nhau về phụ âm đầu hoặc phần vần  **VD :** mếu máo, liêu xiêu… |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Gọi HS đọc 1 số VD  (1)Tập quán: thói quen của 1 cộng đồng được hình thành từ lâu trong đời sống và được mọi người làm theo  (2)Lẩm liệt: hùng dũng, oai nghiêm  (3)Nao núng: lung lay, không vững lòng tin  - Mỗi chú thích trên gồm mấy bộ phận?  - Bộ phận nào nêu lên nghĩa của từ?  - Nghĩa của từ ứng với mô hình nào? HS thảo luận  Hình thức  Nội dung  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi với bạn.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4. Kết luận, nhận định**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **2. Nghĩa của từ ngữ**  **-** Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, quan hệ hoạt động ...) mà từ biểu thị.  VD: Nao núng: lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa. |
| * **So sánh**   **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  -Hs theo dõi ví dụ trên máy chiếu.  - Những tập hợp từ nào chứa hình ảnh so sánh?  - Những sự vật, sự việc nào được so sánh với nhau?  - Dựa vào cơ sở nào để có thể so sánh như vậy?  - So sánh như thế nhằm mục đích gì? (Hãy so sánh với câu không dùng phép so sánh)  **B2. Thực hiện nhiêm vụ:**  Hs thực hiện nhiệm vụ học tập.  GV theo dõi, quan sát hỗ trợ HS (nếu cần)  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.   * **Điệp ngữ**   **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Hs theo dõi ví dụ trên máy chiếu.  ?Chỉ ra những từ ngữ được lặp lại?  ? Qua VD hãy chỉ rõ ra thế nào là điệp ngữ và tác dụng của điệp ngữ?  **B2. Thực hiện nhiêm vụ:**  Hs thực hiện nhiệm vụ học tập.  GV theo dõi, quan sát hỗ trợ HS (nếu cần)  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **3. Biện pháp tu từ: So sánh**, điệp ngữ |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**- GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc SGK và tìm câu có biện pháp điệp từ.  **GV** hướng dẫn HS phát hiện ra câu có biện pháp điệp ngữ và phân tích tác dụng của biện pháp?  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm của mình.  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | **Bài 1**:   * “phồn hoa” : cảnh sống giàu có, xa hoa * “phồn vinh” : miêu tả đất nước ở vào giai đoạn giàu có, thịnh vượng.   = > câu thơ này chỉ cảnh buôn bán tấp nập, giàu có của mảnh đất kinh thành xưa nên dùng từ “phồn hoa” là thích hợp nhất.  b. So sánh: phố – mắc cửi, đường – bàn cơ => Tác dụng: tính chất sầm uất, đông vui của phố thị.  c.“ngẩn ngơ” : trạng thái bị cuốn hút đến ngỡ ngàng của tác giả trước vẻ xa hoa, sầm uất của phố phường.  d. “bút hoa” : tài năng xuất sắc của người làm nên bài thơ  => sử dụng từ này có ý nghĩa và hay hơn so với từ “bút đây”.  **Bài 2** a. Điệp từ “sẵn” => có nhiều đến mức cần bao nhiêu cũng có thể có ngay bấy nhiêu, nhấn mạnh tính chất giàu có của thiên nhiên Tháp Mười.  b. Tác giả sử dụng biện pháp điệp từ “sẵn” nhằm nhấn mạnh tính chất giàu có của thiên nhiên Tháp Mười. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh nhất  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS thể lệ trò chơi:   * Cả lớp chia thành 2 nhóm. * Gv trình chiếu câu hỏi lên bảng. * Trong vòng 2p các đội hội nhóm với nhau và tìm câu trả lời. * Hết thời gian qui định, các nhóm cử đại diện lên trả lời. Ai trả lời đúng và nhanh nhất giành chiến thắng. * HS đọc bài tập và họp nhóm thảo luận.   **B3: Báo cáo, thảo luận**   * HS trình bày sản phẩm của mình. * GV theo dõi, ghi nhận kết quả.   **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp & đặt câu hỏi:  Xác định và chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong bài tập 4  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Họp nhóm và hoàn thiện các bài tập được giao.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình. | **Bài 3**  **từ ở cột B có nghĩa phù hợp với các chỗ trống trong câu ở cột A**  1e – 2g – 3h – 4k – 5i – 6a – 7b – 8c – 9đ – 10d  **Bài 4**  Các từ láy trong đoạn văn: dân dã, mộc mạc, tha thiết, thiết tha, bâng khuâng, ngọt ngào, ngắn ngủi, xao xuyến.  =>   * Nhấn mạnh sự chất phác, mộc mạc thôn quê của bài ca dao * Giúp người đọc hinh dung rõ hơn tâm trạng, cảm xúc của tác giả đối với bài ca dao. |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Tìm năm đến sáu hình ảnh về quê hương Việt Nam trên Internet hoặc sách báo để làm một tập ảnh về quê hương, đất nước hoặc nơi em đang sống. Viết đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ) để giới thiệu tập ảnh đó với người xem.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs chia sẻ bài viết của mình cho các bạn, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét  - Gv quan sát, lắng nghe, gợi mở  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-** Gv nhận xét, đánh giá |  |

**IV/ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**1. Bài vừa học:**

- Từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ.

-  Cách sử dụng từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ trong câu

**2. Bài sắp học :** ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

*HOA BÌM*

*- Đọc văn bản,* Tìm ý tưởng cho bài thơ,